

Thái độ và định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên Điều dưỡng tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe

Trần Đặng Đăng Khoa, Trần Gia Hân, Phan Nguyễn Duy Khoa, Lê Quốc Khánh, Cao Mạnh Hùng *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Mở đầu: Điều dưỡng đóng vai trò quan trọng trong chăm sóc, phục hồi và nâng cao sức khỏe người bệnh. Thái độ đối với nghề và định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên Điều dưỡng có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và sự gắn bó lâu dài với nghề.

Mục tiêu: Xác định thái độ, định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên Điều dưỡng và tìm hiểu một số yếu tố liên quan tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 277 sinh viên Điều dưỡng năm 1 và năm 2 đang theo học tại Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Khoa học Sức khỏe bằng bộ câu hỏi tự điền được soạn sẵn, trong khoảng thời gian từ tháng 09 đến 10 năm 2025.

Kết quả: Điểm trung bình thái độ đối với nghề điều dưỡng là $154,46 \pm 20,5$ và 82,7% sinh viên có thái độ tích cực. Tuy nhiên, chỉ 19,9% sinh viên có định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng, trong khi 52,3% ở mức mơ hồ. Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy năm học có liên quan với thái độ nghề nghiệp và sinh viên lựa chọn ngành điều dưỡng vì các lý do ngoài sở thích cá nhân có điểm định hướng phát triển nghề nghiệp thấp hơn so với nhóm lựa chọn ngành vì sở thích cá nhân ($p < 0,05$).

Kết luận: Phần lớn sinh viên Điều dưỡng có thái độ tích cực đối với nghề, song định hướng phát triển nghề nghiệp còn hạn chế. Cần tăng cường các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp và lồng ghép định hướng nghề nghiệp trong quá trình đào tạo.

Từ khoá: thái độ, định hướng nghề nghiệp, sinh viên điều dưỡng

Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, Đại học Quốc gia TP.HCM

Liên hệ

Cao Mạnh Hùng, Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, Đại học Quốc gia TP.HCM

Email: cmhung@uohsvnu.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 16-12-2025
- Ngày sửa đổi: 29-05-2026
- Ngày chấp nhận: 20-08-2026
- Ngày đăng: 18-09-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmj-hs.v7i2.730>



Check for updates

Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

MỞ ĐẦU

Điều dưỡng là lực lượng giữ vai trò trung tâm trong chăm sóc, phục hồi và nâng cao sức khỏe người bệnh, đồng thời có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ y tế và sự an toàn của người bệnh. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), điều dưỡng và hộ sinh chiếm gần một nửa lực lượng lao động y tế toàn cầu và được xem là yếu tố quyết định trong việc đạt được bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân¹. Trong đào tạo điều dưỡng, thái độ tích cực đối với nghề được xem là nền tảng thúc đẩy động lực học tập, sự hài lòng nghề nghiệp và ý định gắn bó lâu dài với nghề sau tốt nghiệp²⁻⁵.

Tuy nhiên, thái độ tích cực đối với nghề không đồng nghĩa với việc sinh viên đã hình thành định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng. Định hướng phát triển nghề nghiệp phản ánh mức độ sinh viên nhận thức được mục tiêu nghề nghiệp, lộ trình phát triển chuyên môn và khả năng ra quyết định liên quan đến tương lai nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường⁶. Trong khi thái độ nghề nghiệp chủ yếu phản ánh nhận thức và đánh giá của sinh viên đối với giá trị và ý nghĩa của nghề điều dưỡng, thì định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan nhiều hơn đến khả năng

xác định mục tiêu nghề nghiệp và lập kế hoạch phát triển nghề trong tương lai. Do đó, hai khái niệm này có mối liên quan nhưng không hoàn toàn đồng nhất trong quá trình hình thành bản sắc nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng. Các nghiên cứu tại châu Âu và Trung Đông ghi nhận tỷ lệ sinh viên điều dưỡng có định hướng nghề nghiệp rõ ràng còn tương đối thấp, dao động từ 18–30%, mặc dù đa số có thái độ tích cực đối với nghề^{7,8}. Điều này nhấn mạnh rằng thái độ tích cực chưa chắc đồng hành với sự rõ ràng trong định hướng nghề nghiệp.

Thực tế, một số nghiên cứu điều dưỡng đã quan tâm đến việc đánh giá thái độ và định hướng nghề nghiệp của sinh viên Điều dưỡng¹⁰⁻¹², nhưng các nghiên cứu xem xét đồng thời hai khía cạnh này còn hạn chế ở nhóm sinh viên giai đoạn đầu của chương trình đào tạo. Ngoài ra, kết quả giữa các nghiên cứu quốc tế và trong nước cũng cho thấy một số khác biệt về bối cảnh đào tạo, cơ hội nghề nghiệp và cách tiếp cận hướng nghiệp cho sinh viên điều dưỡng, điều này có thể ảnh hưởng đến nhận thức và kế hoạch phát triển nghề nghiệp của người học^{1,3,4}. Tại Việt Nam, các nghiên cứu hiện có chủ yếu tập trung vào thái độ đối với nghề điều dưỡng, trong khi bằng chứng về định hướng phát

Trích dẫn bài báo này: Đăng Khoa T D, Hân T G, Duy Khoa P N, Khánh L Q, C M H. **Thái độ và định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên Điều dưỡng tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe.** VNUHCM J. Health Sci. 2026; 7(2): 1173-1181.

triển nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng vẫn còn hạn chế. Kết quả từ các nghiên cứu này cũng cho thấy sinh viên Điều dưỡng nhìn chung có thái độ tích cực đối với nghề, song vẫn tồn tại tâm lý lo ngại về khối lượng công việc, thu nhập và cơ hội phát triển nghề nghiệp⁹⁻¹².

Bên cạnh đó, bối cảnh đào tạo tại từng cơ sở có thể ảnh hưởng khác nhau đến nhận thức nghề nghiệp của sinh viên thông qua chương trình học, môi trường học tập, cơ hội tiếp xúc lâm sàng và hoạt động hướng nghiệp, đặc biệt tại các trường đại học đào tạo theo định hướng hội nhập và chuẩn năng lực. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thái độ và định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên Điều dưỡng cũng như tìm hiểu một số yếu tố liên quan tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Điều này có ý nghĩa thiết thực trong việc cung cấp bằng chứng cho hoạt động cải tiến chương trình đào tạo, tư vấn nghề nghiệp và hỗ trợ phát triển nghề cho sinh viên Điều dưỡng.

Mục tiêu nghiên cứu: Xác định thái độ, định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên Điều dưỡng và tìm hiểu một số yếu tố liên quan tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe và một số yếu tố liên quan.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Điều dưỡng năm 1 và năm 2 đang theo học tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, từ 09/2025 đến 10/2025.

Tiêu chuẩn chọn

Sinh viên Điều dưỡng năm 1 (ĐD2025) và năm 2 (ĐD2024) đang theo học tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ

Sinh viên đang bảo lưu kết quả học tập
Sinh viên vắng mặt trong thời gian thu thập số liệu
Sinh viên không hoàn thành bộ câu hỏi khảo sát.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt mô tả cắt ngang trên 277 sinh viên Điều dưỡng năm 1 và 2 tại Trường Đại học Khoa học Sức khỏe từ tháng 09/2025 đến 10/2025.

Cỡ mẫu

Tổng số sinh viên Điều dưỡng năm 1 và năm 2 đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu trong thời gian nghiên cứu

là 279 sinh viên. Do đó, nghiên cứu lựa chọn phương pháp chọn mẫu toàn bộ. Sau khi giải thích và sinh viên mời tham gia, nghiên cứu đã khảo sát được 277 sinh viên. Tỷ lệ tham gia đạt 99,3%.

Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu thu thập thông tin dựa vào bộ câu hỏi soạn sẵn gồm 3 phần là:

Phần 1: Đặc điểm của sinh viên tham gia nghiên cứu gồm 6 câu.

Phần 2: Thái độ đối với nghề điều dưỡng (Attitude Scale for Nursing Profession – ASNP) được lấy từ nghiên cứu của Coban và cộng sự. Thang đo có 3 mục lớn gồm: Đặc điểm của nghề điều dưỡng (Properties of the Nursing Profession) từ câu 1 đến 18. Ưu tiên đối với nghề điều dưỡng (Preference for the Nursing Profession) từ câu 19 đến 31. Vị trí chung của nghề điều dưỡng (General Position of the Nursing Profession) từ câu 32 đến 40. Trong tổng số 40 câu hỏi, có 8 câu hỏi gồm câu 21, 23, 25, 26, 28, 30, 34 và 38 mang hàm ý tiêu cực nên khi chấm điểm cần đảo ngược để phản ánh chính xác thái độ của sinh viên. Mỗi câu hỏi được đánh giá trên thang điểm Likert 5 mức độ với (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Trung lập; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý. Tổng điểm của thang đo dao động từ 40 đến 200 điểm. Điểm số cao hơn cho thấy thái độ tích cực hơn đối với nghề điều dưỡng. Điểm tổng ≥ 140 được phân loại tích cực và <140 là chưa tích cực¹¹. Độ tin cậy Cronbach's alpha của thang đo tương đối ổn định⁴, dao động từ 0,80 đến 0,92. Bản dịch Tiếng Việt của tác giả Mai Bá Hải và cộng sự¹² với hệ số tin cậy $\alpha = 0,76$, được sử dụng để khảo sát trong nghiên cứu này.

Phần 3: Định hướng phát triển nghề nghiệp (My Vocational Situation – MVS) của tác giả Holland và cộng sự¹³, gồm 18 câu hỏi đo lường định hướng phát triển nghề nghiệp với thiết kế gồm 2 lựa chọn “đúng” và “sai”. Các câu trả lời đúng được tính 1 điểm và sai là 0 điểm. Tổng điểm dao động từ 0-18 điểm và được chia làm 3 mức là mơ hồ (0-8 điểm), trung bình (9-13 điểm) và rõ ràng (14-18 điểm). Thang đo này đã được cho phép sử dụng rộng rãi với mục đích nghiên cứu và giảng dạy.

Sau khi được cho phép sử dụng các thang đo, nghiên cứu đã tiến hành dịch thuật Thang đo Định hướng phát triển nghề nghiệp (My Vocational Situation – MVS) từ tiếng Anh sang tiếng Việt theo quy trình của J. House¹⁴. Tiếp theo, nhóm nghiên cứu gửi Bộ câu hỏi hoàn chỉnh của nghiên cứu đến 06 giảng viên điều dưỡng gồm 2 Tiến sĩ và 4 Thạc sĩ, có kinh nghiệm làm việc trên 10 năm, để đánh giá nội dung theo quy trình CVI. Kết quả đánh giá cho thấy S-CVI/Ave đạt

0,91. Tiếp theo, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thử trên 30 sinh viên điều dưỡng để tính độ tin cậy Cronbach's alpha của các thang đo thái độ đối với nghề điều dưỡng với chỉ số $\alpha = 0,942$ và hệ số KR-20 (Kuder-Richardson 20) của thang đo định hướng phát triển nghề nghiệp là 0,849.

Cuối cùng, nghiên cứu tiếp cận sinh viên đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu dựa trên danh sách sinh viên Điều dưỡng đang theo học do Phòng Đào tạo cung cấp và mời tham gia nghiên cứu, ký vào bản đồng thuận và thực hiện khảo sát bằng cách tự điền vào bộ câu hỏi soạn sẵn trong 10-15 phút.

Biến số nghiên cứu

Biến số độc lập: Đặc điểm của sinh viên
 Biến số phụ thuộc: Thái độ về nghề điều dưỡng và định hướng phát triển nghề nghiệp.

Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 26.0. Thống kê mô tả được sử dụng để trình bày đặc điểm của mẫu nghiên cứu, bao gồm tần số và tỷ lệ phần trăm đối với các biến định tính; trung bình và độ lệch chuẩn đối với các biến định lượng. Để xác định các yếu tố liên quan đến điểm thái độ đối với nghề điều dưỡng và điểm định hướng phát triển nghề nghiệp, hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng. Các biến độc lập định tính được mã hóa phù hợp trước khi đưa vào mô hình hồi quy tuyến tính đa biến. Đối với các biến gồm hai nhóm, nhóm tham chiếu được lựa chọn để phục vụ phân tích. Biến “lý do chọn ngành điều dưỡng” được mã hóa giả (dummy coding), với nhóm “sở thích cá nhân” là nhóm tham chiếu. Các hệ số hồi quy được trình bày dưới dạng hệ số chưa chuẩn hóa (B), sai số chuẩn (SE) và hệ số chuẩn hóa (β). Trước khi thực hiện hồi quy, các giả định của mô hình được kiểm tra, bao gồm phân phối chuẩn của phần dư và hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập thông qua hệ số phóng đại phương sai (Variance Inflation Factor – VIF). Trong đó, tổng điểm của thang đo định hướng phát triển nghề nghiệp (MVS) là biến điểm rời rạc, phân phối điểm trong nghiên cứu có xu hướng gần chuẩn nên hồi quy tuyến tính được xem là phù hợp để phân tích mối liên quan giữa các biến độc lập và điểm định hướng phát triển nghề nghiệp. Mức ý nghĩa thống kê được áp dụng là $p < 0,05$.

KẾT QUẢ

Đặc điểm của sinh viên tham gia nghiên cứu

Bảng 1 ghi nhận phần lớn sinh viên có độ tuổi ≤ 18 (53,4%), nữ giới chiếm đa số (84,5%). Sinh viên năm nhất chiếm tỷ lệ cao hơn so với năm hai. Đa số sinh

viên có nơi thường trú ở thành thị (66,1%) và hơn một nửa có người thân làm việc trong ngành y tế (58,5%). Lý do chọn ngành phổ biến nhất là sở thích cá nhân (46,2%), tiếp theo là dễ xin việc (34,7%).

Bảng 1: Đặc điểm của sinh viên Điều dưỡng tham gia nghiên cứu (n=277)

Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
≤ 18 tuổi	148	53,4
≥ 19 tuổi	129	46,6
Nam	43	15,5
Nữ	234	84,5
Năm nhất	159	54
Năm hai	118	42,6
Thành thị	183	66,1
Nông thôn	94	33,9
Không	115	41,5
Có	162	58,5
Sở thích cá nhân	128	46,2
Gia đình định hướng	25	9,0
Dễ xin việc	96	34,7
Khác	28	10,1

[Nguồn: Nhóm tác giả]

Thái độ của sinh viên về nghề điều dưỡng

Bảng 2 cho thấy điểm trung bình thái độ chung đạt $154,46 \pm 20,5$, vượt ngưỡng phân loại tích cực. Trong đó, nhóm “Đặc điểm của nghề điều dưỡng” có điểm trung bình cao nhất.

Bảng 3 cho thấy sinh viên đa số có thái độ tích cực đối với nghề điều dưỡng chiếm 82,7%.

Định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng

Bảng 4 cho thấy định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên còn hạn chế. Hơn một nửa sinh viên (52,3%) thuộc nhóm định hướng mơ hồ, trong khi chỉ

Bảng 2: Điểm trung bình thái độ của sinh viên đối với nghề điều dưỡng (n=277)

Mức độ	Khoảng điểm	ĐTB±ĐLC	Khoảng tin cậy 95%
Đặc điểm của nghề điều dưỡng	18-90	74,71 ± 12,51	73,23 – 76,19
Ưu tiên của nghề điều dưỡng	13-65	47,68 ± 7,35	46,81 – 48,55
Vị trí chung của nghề điều dưỡng	9-45	32,06 ± 3,82	31,61 – 32,51
Tổng cộng	40-200	154,46 ± 20,5	152,04 – 156,89

TB ± ĐLC: Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn
[Nguồn: Nhóm tác giả]

Bảng 3: Phân loại thái độ của sinh viên đối với nghề điều dưỡng (n=277)

Thái độ	Khoảng điểm	Tần số	Tỷ lệ
Chưa tích cực	40-139	48	17,3
Tích cực	140-200	229	82,7

[Nguồn: Nhóm tác giả]

19,9% có định hướng rõ ràng. Điểm trung bình chung của thang đo MVS ở mức trung bình thấp ($8,7 \pm 5,08$).

Bảng 4: Phân loại định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên (n=277)

Định hướng nghề nghiệp	Khoảng điểm	ĐTB±ĐLC	n (%)
Mơ hồ	0-8	4,58±2,52	145 (52,3)
Trung bình	9-13	11,16±1,41	77 (27,8)
Rõ ràng	14-18	16,09 ± 1,54	55 (19,9)
Tổng cộng	0-18	8,7 ± 5,08	

TB±ĐLC: Điểm trung bình±Độ lệch chuẩn; n(%): tần số (tỷ lệ).
[Nguồn: Nhóm tác giả]

Mối liên quan giữa đặc điểm của sinh viên với thái độ và định hướng phát triển nghề nghiệp

Bảng 5 cho thấy năm học có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với điểm thái độ nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng. Sau khi hiệu chỉnh các yếu tố trong mô hình, sinh viên năm hai có điểm thái độ nghề nghiệp thấp hơn so với sinh viên năm nhất ($B = -13,68$; $\beta = -0,331$; $p < 0,001$). Ngoài ra, sinh viên lựa chọn ngành điều dưỡng theo định hướng gia đình có điểm thái độ nghề nghiệp thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm lựa chọn ngành vì sở thích cá nhân ($B = -10,75$;

$\beta = -0,151$; $p = 0,012$). Các yếu tố còn lại chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê với điểm thái độ nghề nghiệp ($p > 0,05$).
Bảng 6 cho thấy lý do chọn ngành điều dưỡng có liên quan với định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên. Sau khi hiệu chỉnh các yếu tố trong mô hình, sinh viên lựa chọn ngành theo định hướng gia đình ($B = -3,86$; $\beta = -0,218$; $p < 0,001$), vì dễ xin việc ($B = -2,87$; $\beta = -0,269$; $p < 0,001$) hoặc vì các lý do khác ($B = -4,29$; $\beta = -0,255$; $p < 0,001$) có điểm định hướng phát triển nghề nghiệp thấp hơn so với nhóm lựa chọn ngành vì sở thích cá nhân ($p < 0,05$). Các yếu tố còn lại chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê với định hướng phát triển nghề nghiệp ($p > 0,05$).

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu ghi nhận điểm trung bình thái độ đối với nghề điều dưỡng của sinh viên là $154,46 \pm 20,5$, với 82,7% sinh viên có thái độ tích cực. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Coban và Kasicki⁴ tại Thổ Nhĩ Kỳ với trên 80% sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực đối với nghề. Tương tự, Afewerk và cộng sự⁶ tại Ethiopia cũng báo cáo tỷ lệ thái độ tích cực là 79,6%. So với các nghiên cứu trong nước, kết quả của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Trịnh Thị Giang và cộng sự⁹ trên sinh viên Điều dưỡng tại miền Bắc Việt Nam với 80,1% có thái độ tích cực.
Các nghiên cứu tại miền Nam Việt Nam như của Lưu Nguyễn Đức Hạnh và cộng sự tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Văn Tuấn và cộng sự¹¹ tại Trường Đại học Y dược Cần Thơ cũng ghi nhận tỷ lệ thái độ tích cực là 89,6% và 85,3%. Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng nhận thức của sinh viên điều dưỡng về nghề nghiệp đang có xu hướng tích cực trong bối cảnh hiện nay. Một trong những nguyên nhân có thể là sự thay đổi trong chương trình đào tạo điều dưỡng theo hướng chuẩn năng lực và tăng cường thực hành lâm sàng, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vai trò chuyên môn của điều dưỡng trong hệ thống y tế^{1,3}. Bên cạnh đó, sự phát triển của hệ thống chăm sóc sức khỏe và nhu cầu nhân lực điều dưỡng ngày càng tăng có thể

Bảng 5: Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến về mối liên quan giữa đặc điểm của sinh viên với điểm thái độ nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng (n=277)

Đặc điểm	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa (B)	Sai số chuẩn (SE)	Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa (b)	Khoảng tin cậy 95%	P
Năm học (Năm nhất*)	-13,68	2,42	-0,331	-18,44 đến -8,91	<0,001
Giới tính (Nam*)	3,59	3,24	0,064	-2,79 đến 9,97	0,269
Nơi cư trú (Nông thôn*)	-0,86	2,50	-0,020	-5,79 đến 4,07	0,733
Người thân ngành Y (Không*)	-1,13	2,38	-0,027	-5,81 đến 3,56	0,637
Chọn nghề theo định hướng gia đình	-10,75	4,25	-0,151	-19,13 đến -2,38	0,012
Chọn nghề do dễ xin việc	1,46	2,62	0,034	-3,71 đến 6,62	0,579
Chọn nghề vì lý do khác	-0,15	4,17	-0,002	-8,36 đến 8,05	0,971

Ghi chú: *Nhóm tham chiếu; Nhóm tham chiếu của chọn ngành điều dưỡng là “sở thích cá nhân”. Mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê tổng thể (F = 5,941; p <0,001), với Adjusted R² = 0,111. Các biến độc lập không ghi nhận hiện tượng đa cộng tuyến (VIF = 1,02-1,17).
[Nguồn: Nhóm tác giả]

Bảng 6: Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến về các yếu tố liên quan đến định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng (n=277)

Đặc điểm	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa (B)	Sai số chuẩn (SE)	Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa (b)	Khoảng tin cậy 95%	P
Năm học (Năm nhất*)	-0,57	0,61	-0,056	-1,77 đến 0,63	0,347
Giới tính (Nam*)	0,62	0,81	0,044	-0,99 đến 2,22	0,449
Nơi cư trú (Nông thôn*)	0,27	0,63	0,025	-0,97 đến 1,51	0,667
Người thân ngành Y (Không*)	-0,01	0,60	-0,001	-1,18 đến 1,17	0,991
Chọn nghề theo định hướng gia đình	-3,86	1,07	-0,218	-5,96 đến -1,75	<0,001
Chọn nghề do dễ xin việc	2,87	0,66	-0,269	-4,17 đến -1,57	<0,001
Chọn nghề vì lý do khác	4,29	1,05	-0,255	-6,35 đến -2,22	<0,001

Ghi chú*Nhóm tham chiếu; Nhóm tham chiếu của chọn ngành điều dưỡng là “sở thích cá nhân”. Mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê tổng thể (F = 4,727; p <0,001), với Adjusted R² = 0,086. Các biến độc lập không ghi nhận hiện tượng đa cộng tuyến (VIF = 1,02-1,17).
[Nguồn: Nhóm tác giả]

liên quan đến sự thay đổi trong nhận thức xã hội về nghề điều dưỡng^{1,2}, từ đó ảnh hưởng tích cực đến thái độ của sinh viên đối với nghề nghiệp. Đặc biệt, trong các thành phần thái độ, nhóm “Đặc điểm của nghề điều dưỡng” đạt điểm trung bình cao nhất. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu gần đây, cho thấy sinh viên ngày càng đánh giá cao tính chuyên môn, tính nhân văn và vai trò độc lập của nghề điều dưỡng trong hệ thống y tế hiện đại^{3,10}. Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng nhận thức nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng đang có xu hướng thay đổi tích cực, khi nghề điều dưỡng không còn được nhìn nhận chỉ là nghề hỗ trợ mà đã được xem là một nghề chuyên môn có vai trò quan trọng trong chăm sóc người bệnh và quản lý sức khỏe cộng đồng.

Ngược lại, kết quả về định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên còn khá hạn chế, khi chỉ 19,9% sinh viên có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, trong khi 52,3% còn mơ hồ. Tỷ lệ này tương đồng với nghiên cứu của Harmanici và cộng sự⁸, khi chỉ khoảng 20–25% sinh viên điều dưỡng có định hướng nghề nghiệp rõ ràng. So với một số nghiên cứu tại châu Âu, tỷ lệ này vẫn thấp hơn, nơi sinh viên được tiếp cận sớm với các chương trình tư vấn nghề nghiệp và mô hình phát triển nghề điều dưỡng chuyên sâu⁷. Sự khác biệt này có thể liên quan đến bối cảnh đào tạo và hệ thống phát triển nghề điều dưỡng giữa các quốc gia^{7,8}. Ở nhiều nước phát triển, sinh viên điều dưỡng được tiếp cận sớm với các chương trình định hướng nghề nghiệp, hệ thống cố vấn học tập, cũng như các lộ trình nghề nghiệp rõ ràng như điều dưỡng chuyên khoa, điều dưỡng thực hành nâng cao hoặc các chương trình đào tạo sau đại học^{7,8}. Trong khi đó, tại Việt Nam, các hoạt động tư vấn nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp trong đào tạo điều dưỡng có thể chưa được triển khai một cách hệ thống tại các cơ sở đào tạo^{10–12}. Tại Việt Nam, dù còn ít nghiên cứu sử dụng thang đo Định hướng phát triển nghề nghiệp (MVS), các nghiên cứu định tính và khảo sát mô tả cho thấy sinh viên Điều dưỡng thường thiếu thông tin về lộ trình nghề nghiệp, cơ hội học tập sau đại học và các vai trò nâng cao như điều dưỡng chuyên khoa hoặc điều dưỡng thực hành nâng cao^{10,13}. Điều này có thể lý giải vì sao sinh viên dù có thái độ tích cực đối với nghề nhưng vẫn chưa hình thành được định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng.

Ngoài ra, phân tích hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy sinh viên năm hai có điểm thái độ đối với nghề điều dưỡng thấp hơn so với sinh viên năm nhất ($p < 0,01$). Một điểm cần lưu ý trong bối cảnh nghiên cứu của chúng tôi là nhóm sinh viên năm nhất được khảo sát ngay sau khi nhập học vào trường. Ở giai đoạn này, sinh viên chủ yếu hình thành thái độ nghề

ng nghiệp dựa trên kỳ vọng ban đầu và nhận thức lý tưởng hóa về nghề điều dưỡng và chưa có nhiều trải nghiệm học tập và thực hành chuyên môn^{6,11}. Ngược lại, sinh viên năm hai đã trải qua một thời gian học tập trong chương trình đào tạo điều dưỡng và bắt đầu tiếp cận với các yêu cầu học tập cũng như thực hành mô phỏng kỹ năng nghề nghiệp, từ đó có thể có cái nhìn thực tế hơn về những khó khăn và áp lực của nghề. Điều này có thể góp phần lý giải vì sao điểm thái độ đối với nghề ở nhóm sinh viên năm hai thấp hơn so với sinh viên năm nhất. Kết quả này có sự khác biệt so với nghiên cứu của Nguyễn Văn Tuấn¹¹ và Lưu Nguyễn Đức Hạnh¹⁰ khi sinh viên ở các năm học cao hơn thường có thái độ tích cực hơn. Trong khi đó, Afewerk và cộng sự⁶ cho rằng trải nghiệm học tập và thực hành lâm sàng có thể làm thay đổi nhận thức nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng theo hướng thực tế hơn. Như vậy, kết quả của các nghiên cứu về sự khác biệt thái độ giữa các năm học vẫn chưa thống nhất, điều này có thể liên quan đến sự khác biệt về bối cảnh đào tạo, thời điểm khảo sát và mức độ tiếp xúc lâm sàng của sinh viên tại từng cơ sở đào tạo.

Thêm vào đó, nghiên cứu ghi nhận sinh viên lựa chọn ngành điều dưỡng theo định hướng gia đình có điểm thái độ nghề nghiệp thấp hơn so với nhóm lựa chọn ngành vì sở thích cá nhân. Kết quả này cho thấy động cơ lựa chọn nghề ban đầu có thể liên quan đến nhận thức và thái độ nghề nghiệp của sinh viên. Những sinh viên lựa chọn ngành dựa trên sở thích cá nhân hoặc động cơ nội tại có thể có xu hướng yêu thích nghề nghiệp và đánh giá tích cực hơn về vai trò nghề điều dưỡng⁸. Ngược lại, sinh viên lựa chọn ngành theo định hướng gia đình có thể chưa thực sự hình thành sự yêu thích nghề nghiệp rõ ràng trong giai đoạn đầu đào tạo.

Đối với định hướng phát triển nghề nghiệp, kết quả hồi quy tuyến tính đa biến của nghiên cứu cho thấy sinh viên lựa chọn ngành điều dưỡng vì các lý do ngoài sở thích cá nhân có điểm định hướng phát triển nghề nghiệp thấp hơn so với nhóm lựa chọn ngành vì sở thích ($p < 0,05$). Kết quả này cho thấy động cơ lựa chọn nghề ban đầu có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành định hướng nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng. Những sinh viên lựa chọn ngành dựa trên sở thích cá nhân hoặc sự yêu thích đối với nghề có xu hướng chủ động hơn trong việc tìm hiểu các cơ hội nghề nghiệp, xác định mục tiêu nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Ngược lại, những sinh viên lựa chọn ngành do định hướng gia đình, cơ hội việc làm hoặc các yếu tố khác có thể chưa thực sự hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng ngay từ giai đoạn đầu của chương trình đào tạo. Kết quả này tương đồng với

một số nghiên cứu trước đây cho rằng động cơ nội tại có liên quan đến sự gắn kết nghề nghiệp và định hướng phát triển nghề nghiệp tích cực hơn ở sinh viên điều dưỡng⁸.

HẠN CHẾ CỦA NGHIÊN CỨU

Thứ nhất, nghiên cứu được thực hiện với thiết kế cắt ngang nên chỉ cho phép mô tả mối liên quan giữa các biến số tại một thời điểm và không thể xác định mối quan hệ nhân quả giữa thái độ nghề nghiệp, định hướng phát triển nghề nghiệp và các yếu tố liên quan. Thứ hai, mẫu nghiên cứu chỉ được thu thập tại một cơ sở đào tạo điều dưỡng, do đó khả năng khái quát hóa kết quả cho toàn bộ sinh viên điều dưỡng tại các trường đại học khác ở Việt Nam còn hạn chế. Thứ ba, dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua bảng hỏi tự điền nên kết quả có thể chịu ảnh hưởng của sai lệch thông tin do người tham gia tự báo cáo. Trong các nghiên cứu tiếp theo, nên mở rộng phạm vi khảo sát tại nhiều cơ sở đào tạo điều dưỡng khác nhau và kết hợp phương pháp nghiên cứu dọc nhằm hiểu rõ hơn quá trình hình thành thái độ nghề nghiệp và định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực đối với nghề, tuy nhiên định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên vẫn còn hạn chế. Ngoài ra, năm học và lý do lựa chọn ngành điều dưỡng có liên quan đến thái độ nghề nghiệp và định hướng phát triển nghề nghiệp của sinh viên.

Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, các cơ sở đào tạo điều dưỡng cần tăng cường hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngay từ giai đoạn đầu của chương trình đào tạo, đặc biệt đối với nhóm sinh viên lựa chọn ngành không xuất phát từ sở thích cá nhân. Nhà trường và Khoa Điều dưỡng có thể triển khai các hoạt động như hội thảo nghề nghiệp, tư vấn nghề nghiệp định kỳ, tăng cường vai trò của cố vấn học tập và kết nối với điều dưỡng lâm sàng nhằm hỗ trợ sinh viên xây dựng mục tiêu và lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, nội dung phát triển nghề nghiệp và cơ hội học tập sau đại học nên được lồng ghép trong một số học phần nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vai trò nghề nghiệp và định hướng phát triển chuyên môn trong tương lai.

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Ban Chủ nhiệm Khoa Điều dưỡng, Ban Giám hiệu Trường Đại học

Khoa học Sức khỏe đã hỗ trợ và sinh viên Điều dưỡng đã tham gia nghiên cứu.

NGUỒN TÀI TRỢ

Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Sức khỏe với mã đề tài CSSV2025-07.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Không có xung đột lợi ích nào liên quan đến nghiên cứu này.

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Ý tưởng nghiên cứu: Trần Đặng Đăng Khoa, Trần Gia Hân

Đề cương và phương pháp nghiên cứu: Trần Đặng Đăng Khoa

Thu thập dữ liệu: Phan Nguyễn Duy Khoa, Lê Quốc Khánh

Giám sát nghiên cứu: Cao Mạnh Hùng

Nhập dữ liệu: Trần Đặng Đăng Khoa, Trần Gia Hân, Phan Nguyễn Duy Khoa

Quản lý dữ liệu: Trần Gia Hân, Cao Mạnh Hùng

Phân tích dữ liệu: Trần Đặng Đăng Khoa, Trần Gia Hân, Cao Mạnh Hùng

Viết bản thảo đầu tiên: Trần Đặng Đăng Khoa, Trần Gia Hân, Phan Nguyễn Duy Khoa, Lê Quốc Khánh, Cao Mạnh Hùng.

Góp ý bản thảo và đồng ý cho đăng bài: Trần Đặng Đăng Khoa, Trần Gia Hân, Phan Nguyễn Duy Khoa, Lê Quốc Khánh, Cao Mạnh Hùng.

CUNG CẤP DỮ LIỆU VÀ THÔNG TIN NGHIÊN CỨU

Tác giả liên hệ sẽ cung cấp dữ liệu nếu có yêu cầu từ Ban biên tập

CHẤP THUẬN CỦA HỘI ĐỒNG ĐẠO ĐỨC

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng Đạo đức trong Nghiên cứu Y sinh học của Trường Đại học Khoa học Sức khỏe (Quyết định số 03/QĐ-HĐĐĐ, ngày 01 tháng 09 năm 2025).

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ASNP: Attitude Scale for Nursing Profession (Thang đo thái độ đối với nghề điều dưỡng)

MVS: My Vocational Situation (Thang đo định hướng phát triển nghề nghiệp)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Organization WH. State of the world's nursing 2020: Investing in education, jobs and leadership. World Health Organization; 2020.
2. Pintye J. 2025 Update on the State of the World's Nursing. The American Journal of Maternal/Child Nursing. 2025; Available from: <https://doi.org/10.1097/NMC.0000000000001137>.
3. Halter M, Boiko O, Pelone F, Beighton C, Harris R, Gale J, et al. The determinants and consequences of adult nursing staff turnover: a systematic review of systematic reviews. BMC Health Services Research. 2017;17(1):824. Available from: <https://doi.org/10.1186/s12913-017-2707-0>.
4. Coban GI, Kasikci M. Development of the Attitude Scale for Nursing Profession. International Journal of Nursing Practice. 2011;17(5):518–24. Available from: <https://doi.org/10.1111/j.1440-172X.2011.01961.x>.
5. Rekişso AD, Mengistu Z, Wurjine TH. Nurses' attitudes towards the nursing profession and associated factors in selected public hospitals, Addis Ababa, Ethiopia, 2021: a cross-sectional study. BMC Nursing. 2022;21(1):21. Available from: <https://doi.org/10.1186/s12912-022-00808-2>.
6. Afewerk S, Tesfaye E, Kebede A, Endeshaw D. Attitude and its associated factors towards the nursing profession among BSc nursing students learning at governmental universities in Amhara region, northwest Ethiopia, 2021. International Journal of Africa Nursing Sciences. 2023;18. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ijans.2022.100521>.
7. Jung YM. Nursing students' career identity, satisfaction with major, and career stress by career decision type. Japan Journal of Nursing Science : JJNS. 2020;17(1). Available from: <https://doi.org/10.1111/jjns.12281>.
8. Seren AK, Bacaksiz FE, Baykal U. Career orientations of nursing students: A comparison of state and private universities. International Journal of Caring Sciences. 2017;10(1):273.
9. Giang TT, DTT H, NĐ T, Trung TQ. Thái độ với nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Nghiên cứu Y học. 2024;174(1):212–21. Available from: <https://doi.org/10.52852/tcnycy.v174i1.2132>.
10. Đức Hạnh LN, Linh TG. Thái độ với nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành năm 2024. Tạp chí Khoa học và công nghệ - Đại học Nguyễn Tất Thành. 2024;8(1). Available from: <https://doi.org/10.55401/rft9h905>.
11. Nguyen VT, Nguyen TSS, Nguyen TKT, Nguyen TP, Luu TH, Truong AM, et al. Attitudes Toward The Nursing Profession And Associated Factors Of Nursing Students At Can Tho University Of Medicine And Pharmacy In 2022. Cantho Journal of Medicine and Pharmacy. 2023;61.
12. Mai BH, Ho TMY, Nguyen TTT, Phan LTT, Hoang TH, Phuong NTA. Attitudes and Perceptions Towards Nursing Profession Among Nursing Students at Hue University of Medicine and Pharmacy. J Probl Based Learn. 2018;5(2):55–62. Available from: <https://doi.org/10.24313/jpbl.2018.5.2.55>.
13. Lucas EB, Gysbers NC, Buescher KL, Heppner PP. My Vocational Situation: Normative, Psychometric, and Comparative Data. Measurement & Evaluation in Counseling & Development. 1988;20(4):162–70. Available from: <https://doi.org/10.1080/07481756.1988.12022867>.
14. House J. Translation Quality Assessment: Past and Present. In: and others, editor. Translation: A Multidisciplinary Approach. Palgrave Macmillan, UK; 2014. p. 241–64. Available from: https://doi.org/10.1057/9781137025487_13.

Attitude and career development orientation of nursing students at University of Health Sciences

Tran Dang Dang Khoa, Tran Gia Han, Phan Nguyen Duy Khoa, Le Quoc Khanh, Cao Manh Hung*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Introduction: Nursing plays a crucial role in the care, recovery, and promotion of patients' health. Nursing students' attitudes toward the profession and their career development orientation directly influence the quality of training and long-term professional commitment. **Objectives:** To determine attitudes toward the nursing profession and career development orientation among nursing students at the University of Health Sciences, and to identify associated factors. **Methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted among 277 first- and second-year nursing students enrolled in the Faculty of Nursing, University of Health Sciences, using a structured self-administered questionnaire from September to October 2025. **Results:** The mean attitude score toward the nursing profession was 154.46 ± 20.5 , with 82.7% of students demonstrating a positive attitude. However, only 19.9% of students had a clear career development orientation, while 52.3% remained unclear. Multiple linear regression analysis showed that year of study was associated with attitudes toward the nursing profession, and students who chose nursing for reasons other than personal interest had lower career development orientation scores compared with those who chose the profession based on personal interest ($p < 0.05$). **Conclusions:** Most nursing students exhibited positive attitudes toward the nursing profession; however, their career development orientation remained limited. Strengthening career counseling, vocational guidance, and the integration of career orientation into nursing education programs is recommended.

Key words: attitude, career orientation, nursing students

Faculty of Nursing, University of Health Sciences, Vietnam National University Ho Chi Minh City

Correspondence

Cao Manh Hung, Faculty of Nursing, University of Health Sciences, Vietnam National University Ho Chi Minh City
Email: cmhung@uhsvnu.edu.vn

History

- Received: 16-12-2025
- Revised: 29-05-2026
- Accepted: 20-08-2026
- Published Online: 18-09-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmj-hs.v7i2.730>



Copyright

© VNUHCM Journal. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Khoa T D D, Han T G, Khoa P N D, Khanh L Q, Hung C M. Attitude and career development orientation of nursing students at University of Health Sciences. *VNUHCM J. Health Sci.* 2026; 7(2): 1173-1181.